

QUYẾT ĐỊNH
Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15; số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông báo số 610/TB-UBND ngày 25/7/2026 của UBND tỉnh về kết luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết khoản 4, điểm c khoản 9, khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; khoản 6 Điều 11

Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung Điều 12, khoản 1 Điều 16 và khoản 1 Điều 18 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Điều 3. Hỗ trợ khác về đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 12 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 12 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thì được hỗ trợ bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh.

Điều 4. Hỗ trợ khác về đất đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 9 Điều 13 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

Đối với phần diện tích thu hồi còn lại của thửa đất nhưng không được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 13 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thì được hỗ trợ bằng 10% giá đất của loại đất thu hồi trong bảng giá đất của tỉnh.

Điều 5. Hỗ trợ khác đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật số 31/2024/QH15

1. Hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng trên đất

a) Đối với nhà, công trình do hộ gia đình, cá nhân xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định hoặc xây dựng trên đất được bồi thường về đất nhưng xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ như sau:

a1) Xây dựng trước ngày 01/7/2004 được hỗ trợ 80% giá trị nhà, công trình;

a2) Xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 được hỗ trợ 50% giá trị nhà, công trình;

a3) Xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024 được hỗ trợ 20% giá trị nhà, công trình.

b) Đối với nhà do hộ gia đình, cá nhân xây dựng trái phép trên đầm, sông, rạch, mặt nước được hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) so với giá trị bồi thường tính theo đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với phần diện tích nhà, vật kiến trúc bị giải tỏa, như sau:

- b1) Hỗ trợ 100% đối với trường hợp xây dựng trước ngày 15/10/1993;
- b2) Hỗ trợ 70% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004;
- b3) Hỗ trợ 50% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014;
- b4) Hỗ trợ 20% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày 01/8/2024.

2. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bị ngừng sản xuất, kinh doanh do Nhà nước thu hồi đất, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh thì được hỗ trợ theo doanh thu tính thuế của năm liền kề trước thời điểm có thông báo thu hồi đất như sau:

- a) Doanh thu dưới 8.400.000 đồng/tháng, hỗ trợ một lần 3.000.000 đồng/cơ sở.
- b) Doanh thu từ 8.400.000 đồng/tháng đến 20.000.000 đồng/tháng, hỗ trợ một lần 5.000.000 đồng/cơ sở.
- c) Doanh thu trên 20.000.000 đồng/tháng trở lên, hỗ trợ một lần 8.000.000 đồng/cơ sở.

Việc xác định doanh thu của tổ chức kinh tế, hộ sản xuất kinh doanh do cơ quan thuế chịu trách nhiệm cung cấp bằng văn bản.

3. Đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoặc người thuê lại diện tích đất mà bị ngừng sản xuất nhưng không có giấy phép kinh doanh thì được hỗ trợ một lần 1.500.000 đồng/cơ sở.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận hộ sản xuất kinh doanh quy định tại khoản này.

4. Hộ gia đình, cá nhân có đất ở bị thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ tiền trong thời gian xây dựng, sửa chữa nhà ở như sau:

- a) Trường hợp giải tỏa trắng nhà ở phải di chuyển đến nơi tái định cư hoặc tái định cư lùi phía sau thửa đất bị thu hồi thì được hỗ trợ 06 tháng.
- b) Trường hợp nhà ở giải tỏa một phần mà phần diện tích còn lại không đảm bảo công năng sử dụng thì được hỗ trợ 03 tháng.
- c) Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng.

5. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất vườn, ao, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở (kể cả đất có nguồn gốc là đất vườn, ao gắn liền với đất ở đã được tách ra thành thửa đất riêng theo quy định của pháp luật) thì ngoài việc được bồi thường về đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật còn được hỗ

trợ thêm 50% giá đất ở bồi thường của thửa đất đó đối với diện tích đất bị thu hồi; trường hợp diện tích đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở bị thu hồi trên 500m² thì diện tích đất được hỗ trợ theo giá đất ở là 500m²; trường hợp diện tích đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở bị thu hồi nhỏ hơn hoặc bằng 500m² thì diện tích đất được hỗ trợ theo giá đất ở theo diện tích thực tế thu hồi.

Quy định tại khoản này không áp dụng đối với trường hợp thửa đất nông nghiệp thuần túy (độc lập) đã được chuyển mục đích một phần diện tích sang đất ở và phần diện tích còn lại của thửa đất là đất nông nghiệp và các trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật về đất đai.

6. Trường hợp thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh mà người có đất thu hồi không được bố trí chỗ ở tạm cư trong thời gian tạo lập chỗ ở mới, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 16 Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo quy định như sau:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở được hỗ trợ theo quy định như sau:

a1) Đất ở bị thu hồi hết được hỗ trợ 06 tháng tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/tháng/hộ.

a2) Đất ở bị thu hồi một phần mà phần diện tích đất ở còn lại đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định hoặc di chuyển tái định cư lùi phía sau được hỗ trợ 04 tháng tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/tháng/hộ.

a3) Trường hợp hộ gia đình được hỗ trợ quy định tại điểm a1 và a2 khoản này mà có trên 04 (bốn) thành viên thì mỗi thành viên tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng, nhưng không quá 6.000.000 đồng/tháng/hộ.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, không còn chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã, được bố trí đất tái định cư để xây dựng nhà ở thì được hỗ trợ 04 tháng tiền thuê nhà ở, mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/tháng/hộ.

7. Đối với phần diện tích còn lại sau khi đã xác định diện tích đất mả được hỗ trợ theo đơn giá đất ở theo quy định tại khoản 4, Điều 5 của Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh, nếu hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp thì được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp cụ thể; diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai năm 2024.

8. Để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, nếu hộ gia đình, cá nhân có tài sản gắn liền với đất thu hồi mà bàn giao đất sớm cho dự án thì được thưởng thêm theo quy định sau:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà bàn giao mặt bằng trước thời hạn 30 ngày được thưởng 10.000.000 đồng;

b) Trường hợp chỉ bị phá dỡ tường rào, cổng ngõ gắn liền với đất; vật kiến trúc và công trình xây dựng không phục vụ vào mục đích để ở mà không được bồi thường, hỗ trợ mà bàn giao đất trong vòng 10 ngày được thưởng 1.000.000 đồng.

c) Các mức thưởng quy định tại điểm a, b khoản này áp dụng đối với những trường hợp thực hiện bàn giao đất theo thời hạn quy định (kể cả những trường hợp có khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng đã thực hiện bàn giao đất cho dự án). Thời gian quy định tính thưởng kể từ ngày quy định nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ghi trong Thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu (hoặc giấy mời lần đầu) đã gửi cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

9. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 thì được hỗ trợ về đất theo quy định như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 15/10/1993 mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định của pháp luật, không có tranh chấp thì được hỗ trợ về đất bằng 40% đơn giá đất ở để tính bồi thường đối với diện tích đất đã xây dựng nhà ở bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định.

b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định của pháp luật, không có tranh chấp thì được hỗ trợ về đất bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường đối với diện tích đất đã xây dựng nhà ở bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định.

c) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 mà không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định của pháp luật, không có tranh chấp thì được hỗ trợ về đất bằng 20% đơn giá đất ở để tính bồi thường đối với diện tích đất đã xây dựng nhà ở bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định.

Điều 6. Hỗ trợ tạm cư đối với trường hợp thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội

Trường hợp quyết định thu hồi đất trước khi hoàn thành việc bố trí tái định cư đối với trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án thực hiện tái định cư tại chỗ, dự án mà việc bố trí tái định cư theo tuyến công trình chính thì người có đất thu hồi được hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo quy định sau đây:

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở được hỗ trợ theo quy định như sau:

a) Đất ở bị thu hồi hết được hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng/hộ. Trường hợp hộ gia đình có trên 04 (bốn) thành viên thì mỗi thành viên tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng, nhưng không quá 6.000.000 đồng/tháng/hộ.

b) Đất ở bị thu hồi một phần mà phần diện tích đất ở còn lại đủ điều kiện xây dựng nhà ở theo quy định hoặc di chuyển tái định cư lùi phía sau được hỗ trợ hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng/hộ. Trường hợp hộ gia đình có trên 04 (bốn) thành viên thì mỗi thành viên tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng, nhưng không quá 6.000.000 đồng/tháng/hộ.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gắn liền với nhà ở phải di chuyển chỗ ở mà không đủ điều kiện bồi thường về đất ở, không còn chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã, được bố trí đất tái định cư để xây dựng nhà ở thì được hỗ trợ hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng/hộ.

3. Thời gian hỗ trợ

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này thì thời gian hỗ trợ được tính từ thời điểm có biên bản bàn giao mặt bằng đến thời điểm ký nhận biên bản bàn giao đất tái định cư.

Trường hợp thời gian hỗ trợ nhỏ hơn 08 tháng thì được hỗ trợ tiền đủ cho thời gian 08 tháng.

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 1 thì thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân chấp hành việc bàn giao mặt bằng theo đúng thời gian ghi trong Thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu (hoặc giấy mời lần đầu) của đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được hỗ trợ thêm thời gian tạm cư là 02 tháng.

4. Phương thức thanh toán tiền hỗ trợ tạm cư

a) Trường hợp xác định được cụ thể thời gian bàn giao nhà ở hoặc đất tái định cư thì chi trả một lần cho các hộ tạm cư.

b) Trường hợp chưa xác định được cụ thể thời gian bàn giao nhà ở hoặc đất tái định cư thì có thể chi trả theo định kỳ 3 tháng hoặc 6 tháng một lần. Tùy theo tiến độ xây dựng khu tái định cư của dự án mà đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án xem xét chi trả tiền tạm cư cho người có đất bị thu hồi.

5. Kinh phí tạm cư được tính vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án đầu tư theo quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện bố trí tái định cư trong trường hợp địa điểm bố trí tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội

1. Việc lựa chọn quỹ nhà, quỹ đất tái định cư ngoài địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với các công trình, dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm

vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì cơ quan, các đơn vị sự nghiệp công lập đó chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí tái định cư rà soát, đánh giá quỹ đất, quỹ nhà trên địa bàn; lựa chọn, đề xuất địa điểm dự kiến bố trí tái định cư tại địa bàn xã, phường ngoài địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi phù hợp với nhu cầu; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận địa điểm bố trí tái định cư.

b) Đối với các công trình, dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí tái định cư; đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư rà soát, đánh giá quỹ đất, quỹ nhà trên địa bàn; lựa chọn, đề xuất địa điểm dự kiến bố trí tái định cư tại địa bàn xã, phường ngoài địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi phù hợp với nhu cầu; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận địa điểm bố trí tái định cư.

2. Sau khi có văn bản chấp thuận địa điểm bố trí tái định cư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có quỹ đất, quỹ nhà tái định cư xác định, thống nhất vị trí các lô đất, căn hộ bố trí tái định cư để đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án tái định cư gửi cơ quan có chức năng quản lý đất cấp xã nơi có đất thu hồi thẩm định phương án bố trí tái định cư trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi quyết định phê duyệt phương án tái định cư.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có quỹ đất, quỹ nhà tái định cư ban hành quyết định giao đất; ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 27/2025/QĐ-UBND NGÀY 07/10/2025 CỦA UBND TỈNH

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, như sau:

“Điều 12. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bị thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống

trong thời gian 03 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển chỗ ở đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 09 tháng.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bị thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các lâm trường hoặc công ty lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 03 tháng.

3. Mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng đối với một nhân khẩu theo báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh, chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.”

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở

Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

a) Mức hỗ trợ đối với hộ gia đình có 04 (bốn) thành viên trở xuống, cá nhân là 3.000.000 đồng/tháng/hộ;

b) Trường hợp hộ gia đình có trên 04 (bốn) thành viên thì mỗi thành viên tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng, nhưng không quá 6.000.000 đồng/tháng/hộ.

c) Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà quy định tại điểm a và b khoản này là 06 tháng.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và Quy định này;

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phổ biến các quy định của Nhà nước về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai các thông báo, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện việc xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo

lập nhà, công trình xây dựng, về vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác nhận vị trí thửa đất, số cặp vợ chồng; xác định hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp; xác định tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi của hộ gia đình, cá nhân. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

d) Căn cứ quy định hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác đối với từng dự án cụ thể.

đ) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt theo quy định; tham mưu đề xuất giá đất theo quy định của pháp luật. ”.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh khó khăn vướng mắc các tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc chỉ đạo giải quyết.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VP UBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh